

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 3 năm 2018

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

1. Thông tin chung về trường

Địa chỉ:	Làng Đại học, đường Lưu Quang Vũ		
Tỉnh/ Thành phố:	Đà Nẵng	Quận/Huyện:	Ngũ Hành Sơn
Điện thoại:	0236399045701	Fax:	
Email:	smpdaotao@gmail.com	Website:	www.smp.udn.vn
Cơ quan chủ quản:	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trực thuộc:	Đại học Đà Nẵng

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở

Khoa Y Dược trực thuộc Đại học Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 1154/QĐ-TCCB ngày 16/3/2007 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng, với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ y tế trong các bệnh viện và các cơ sở y tế; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y - dược.

Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) với vị thế một đại học vùng, trọng điểm quốc gia, là "nơi hun đúc trí tuệ và tài năng vì sự phát triển của miền Trung - Tây nguyên". ĐHĐN có nhiều lợi thế về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, uy tín giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh tế, sư phạm, ngoại ngữ,... ĐHĐN đang từng bước phát triển thành đại học nghiên cứu, khẳng định chất lượng trong cộng đồng các trường Đại học khu vực và thế giới. Những nguồn lực căn bản của ĐHĐN cho phép phát triển thành đại học đa ngành, đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực Y tế và sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trong khu vực cũng như trên cả nước.

Thời gian qua, Khoa đã xây dựng tốt mối quan hệ với các Bệnh viện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như: Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện C, Bệnh viện Phụ sản - Nhi, Bệnh viện Ung thư, Bệnh viện Quân Y C17, Bệnh viện Vĩnh Đức, Bệnh viện Hải Châu.... Nhờ vậy, sinh viên có nhiều điều kiện thuận lợi hơn trong việc học tập lâm sàng tại bệnh viện, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, ngoài mối quan hệ với Tổ chức Y tế thế giới, Khoa đã mở rộng các mối quan hệ với Trường Đại học Ludwig - Maxilians (Đức), hàng năm trường này tổ chức khóa học ngắn hạn tại Đức và TP. Hồ Chí Minh cho giảng viên Khoa Y Dược, Đại học Nantes (Pháp) tạo điều kiện cho các giảng viên học Thạc sĩ, "forever learning foundation" hàng năm ưu tiên ứng cử viên là giảng viên Khoa Y Dược học tập tại Úc 3 tháng. Bên cạnh đó, Khoa còn liên kết, hợp tác với các trường đại học trên thế giới như Đại học Aston (Anh), Đại học Ubon Ratchathani (Thái Lan)

cũng như Tổ chức Deviemed (Đức), Đại học Kobé (Nhật Bản),... nhằm phát triển đội ngũ, tăng sức mạnh của Khoa, qua đó đã thể hiện được tiềm năng là một trong những cơ sở đào tạo chất lượng của cả nước.

Khoa Y Dược có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học và đào tạo liên tục cho cán bộ y tế; định hướng chiến lược của Khoa là tăng cường cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ để đảm bảo đào tạo các ngành khoa học sức khỏe, tiến tới thành lập Trường Đại học Y Dược - ĐHQĐHN. Tiếp tục liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước, đồng thời mở các chuyên ngành đào tạo Y đa khoa, Bác sĩ Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng đại học, Dược sĩ đại học,...nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng của lực lượng lao động.

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại							
	ĐH						CDSP	
	GD chính quy				GDTX		GD chính quy	GDTX
	NCS	CH	ĐH	CD	ĐH	CD		
Nhóm ngành VI			807					
Tổng	0	0	807	0	0	0	0	0

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển
1	Năm tuyển sinh 2016		x	
2	Năm tuyển sinh 2017		x	

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Mã	Năm tuyển sinh 2016			Năm tuyển sinh 2017		
		Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
- Y khoa	7720101	150	101			201	
Toán, Hóa học, Sinh học	B00			24,0			26.25

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Mã	Năm tuyển sinh 2016			Năm tuyển sinh 2017		
		Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
- Điều dưỡng	7720301	70	51			26	
Toán, Hóa học, Sinh học	B00			20,75			22.5
- Răng-Hàm-Mặt	7720501					70	
- Toán, Hóa học, Sinh học	B00						25.5
- Dược học	7720201					52	
Toán, Hóa học, Sinh học	B00						25.25
Toán, Hoá, Vật lý	A00						
Nhóm ngành VII							
Tổng		220	152		350	349	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh 2018

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Ghi chú: Xét tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh 2018:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3	
			Theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính

1	Các ngành đào tạo đại học								
1.1	Y khoa	7720101	100	0	B00				
1.2	Điều dưỡng	7720301	50	0	B00				
1.3	Răng-Hàm-Mặt	7720501	40	0	B00				
1.4	Dược học	7720201	60	0	B00 A00				
	Tổng		250	0					

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, Khoa Y Dược – Đại học Đà Nẵng sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận đăng ký xét tuyển vào Khoa.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

TT	Tên ngành tuyển sinh	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Điểm xét tuyển (ĐXT)	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Tuyển sinh kỳ I	Tuyển sinh kỳ II
I	KHOA Y DƯỢC	DDY	250					
1	Y khoa	7720101	100	1. Toán + Sinh học + Hóa học	1. B00	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Sinh, Hóa	x	x

2	Điều dưỡng	7720301	50	1. Toán + Sinh học + Hóa học	1. B00	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Sinh, Hóa	x	x
3	Răng-Hàm-Mặt	7720501	40	1. Toán + Sinh học + Hóa học	1. B00	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Sinh, Hóa	x	x
4	Dược học (tổ hợp B00)	7720201B	30	1. Toán + Sinh học + Hóa học	1. B00	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Sinh, Hóa	x	x
5	Dược học (tổ hợp A00)	7720201A	30	1. Toán + Hóa học + Vật lý	1. A00	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hóa, Vật lý		

Ghi chú: Các ngành có đăng ký tuyển sinh kỳ II (tháng 11,12/2018) chỉ tuyển sinh nếu ngành còn chỉ tiêu.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo...

2.7.1. Thời gian tuyển sinh

- Kỳ I: Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Kỳ II: tháng 11, 12 năm 2018 đối với các ngành đăng ký tuyển kỳ II và còn chỉ tiêu.

2.7.2. Hình thức đăng ký xét tuyển

Đối với xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia năm 2018: Thí sinh đăng ký cùng lúc đăng ký dự thi THPT quốc gia. Đối với các đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh đăng ký

trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc đăng ký trực tiếp tại Ban Đào tạo – Đại học Đà Nẵng, 41 Lê Duẩn, Tp. Đà Nẵng.

2.8. Chính sách ưu tiên:

2.8.1. Các quy định chung

- Khoa Y Dược – Đại học Đà Nẵng tổ chức tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và thực hiện các chính sách ưu tiên khác theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy định chung của ĐHQĐ.

- Thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế và thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn Toán học; Sinh học; Hóa học, Vật lý và các lĩnh vực sáng tạo KHKT Y sinh và khoa học sức khỏe; Sinh học tế bào và phân tử; Khoa học động vật; Khoa học thực vật; Hóa sinh được tuyển thẳng vào tất cả các ngành của Khoa không hạn chế chỉ tiêu nhưng nằm trong chỉ tiêu chung của ngành.

- Tổng chỉ tiêu xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển nằm trong chỉ tiêu chung của Đề án tuyển sinh của Khoa trong năm 2018.

2.8.2. Các ngành xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh đạt giải trong kỳ thi HSG quốc gia

a. Học sinh giỏi quốc gia các môn văn hóa

TT	Môn thi học sinh giỏi	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Toán học; Sinh học; Hóa học	Y khoa	7720101	5
		Điều dưỡng	7720301	5
		Răng-Hàm-Mặt	7720501	5
		Dược học	7720201	5
2	Vật lý	Dược học	7720201	5

b. Học sinh giỏi đạt giải kỳ thi sáng tạo Khoa học Kỹ thuật quốc gia

TT	Lĩnh vực thi Sáng tạo KHKT 2017	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Y sinh và khoa học sức khỏe; Sinh học tế bào và phân tử; Khoa học động vật; Khoa học thực vật; Hóa sinh	Y khoa	7720101	5
		Điều dưỡng	7720301	5
		Răng-Hàm-Mặt	7720501	5
		Dược học	7720201	5

2.8.3. Quy trình xét tuyển

a. Nguyên tắc chung:

- Tốt nghiệp THPT, đảm bảo ngưỡng chất lượng của Bộ, không có môn thi THPT nào từ 1 điểm trở xuống. Xét theo thứ tự ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Mỗi thí sinh trúng tuyển 1 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo.
- Xét giải HSG các năm: 2016, 2017, 2018.

b. Quy trình xét tuyển

- Xét tuyển thẳng (cho các thí sinh đạt giải HSG QG): Xét theo thứ tự giải từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Theo Nghị định 86/NĐ-CP mức thu học phí đối với năm học 2018-2019 là 1.180.000 đồng/ tháng/ sinh viên.

Như vậy: 01 học kỳ : 5.900.000 đồng → 01 năm học là : 11.800.000 đồng

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định)....

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

3.1.1 Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 23000 m²;
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 8127 m²/ sinh viên
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có).

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Cơ sở thực hành của Khoa có hơn 20 cơ sở trong đó có Trung tâm Y Khoa – Đại học Đà Nẵng, Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện C Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng, Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng, Bệnh viện Quân Y 17 Đà Nẵng, Bệnh viện Chính hình và PHCN Đà Nẵng, Bệnh viện Phục hồi Chức năng Đà Nẵng, Bệnh viện Y học Cổ truyền Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ nữ Đà Nẵng, Trung tâm Răng Hàm Mặt Đà Nẵng, Bệnh viện Mắt Đà Nẵng, Trung tâm Pháp Y Tp. Đà Nẵng, Bệnh viện Phổi Đà Nẵng, Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, Bệnh viện Hải Châu Đà Nẵng, Bệnh viện Tâm thần Đà Nẵng, Trung tâm Y tế Quận Sơn Trà, Trung tâm Y tế Quận Ngũ Hành Sơn, Công ty Cổ phần Dược Danapha, Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Đà Nẵng, Trung tâm kiểm nghiệm thành phố Đà Nẵng, Trung tâm Y tế Dự phòng Thành phố Đà Nẵng

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Giải phẫu bệnh – Mô phôi	Máy cắt vi phẫu; Kính hiển vi truyền hình (kết nối camera và máy tính); Kính hiển vi quang học 2 mắt; Bộ tiêu bản mẫu Mô phôi; Bộ tiêu bản mẫu Giải phẫu bệnh.
2	Hóa sinh – Di truyền - Sinh học phân tử	Tủ âm sâu -30oC; Tủ an toàn sinh học cấp II; Máy phân tích sinh hoá hoàn toàn tự động; Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động; Máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động; Máy xét nghiệm đông máu bán tự động; Nồi cách thủy; Bộ Micropipet; Máy đo đường huyết; Máy điều hòa treo tường; Kính hiển vi quang học 2 mắt; Máy đo PH để bàn đa điểm hiệu chuẩn; Máy điện di đứng kèm bộ nguồn; Bộ đồ mổ ếch.
3	Giải phẫu – Phẫu thuật thực hành – Pháp y	Nhân thể; Mô hình giải phẫu 3B; Nồi hấp tiệt trùng; Bộ dụng cụ tiêu phẫu; Bộ dụng cụ phẫu thuật thực hành; Máy điều hòa treo tường.
4	Vi sinh – Ký sinh trùng	Máy ly tâm thường 8 ống; Bộ MicroPipette; Tủ sấy điện 250OC; Tủ ấm thường; Máy lắc dạng lắc

		vòng; Máy nhân gen (PCR) tiêu chuẩn; Máy lắc vortex; Máy ly tâm lắng mẫu nhanh; Máy ủ nhiệt kèm lắc rung 24 vị trí cho ống 1.5ml; Máy điện di ngang kèm nguồn; Bộ Micropipet; Máy ly tâm lạnh; Tủ lạnh; Máy điều hòa treo tường; Tủ hút khí độc; Kính hiển vi truyền hình (kết nối camera và máy tính); Kính hiển vi quang học 2 mắt; Bộ tiêu bản mẫu Ký sinh trùng.
5	Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Tủ trữ mẫu nhiệt độ từ 2°C đến 14°C; Tủ sấy điện 250°C; Hệ thống xét nghiệm ELISA; Buồng đếm tế bào máu; Máy đếm tế bào tự động 19 thông số; Máy đo huyết áp cơ; Máy ly tâm thường; Bộ Micropipet; Máy điều hòa treo tường; Kính hiển vi quang học 2 mắt; Máy đo PH để bàn đa điểm hiệu chuẩn; Máy đo chức năng hô hấp.
6	Hóa phân tích – Kiểm nghiệm – Độc chất	Máy ly tâm thường, Nồi hấp, Máy lọc cát nước, tủ lạnh trữ mẫu, máy lắc tròn kỹ thuật số
7	Thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, thay băng rửa vết thương, mô hình người bệnh đa năng, mô hình hồi sinh tim phổi người lớn và trẻ em, máy điện tâm đồ 6 tầng, monitoring.
8	Trung tâm Huấn luyện lâm sàng	Máy siêu âm Doppler màu, máy siêu âm trắng đen xách tay, Máy nội soi tai mũi họng, Máy nội soi dạ dày – đại tràng, máy đốt laser, máy đo khúc xạ mắt, bộ ghế răng hàm mặt, máy đo điện não đồ

3.1.3 Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	
3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	12
4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	
5.	Số phòng học đa phương tiện	02

3.1.4 Thống kê về học trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI	7125 cuốn

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Nhóm ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất		
	GS	PGS	TS	ThS	ĐH
Nhóm ngành I					
Tổng của nhóm ngành	0	0	0	0	0
Nhóm ngành II					
Tổng của nhóm ngành	0	0	0	0	0
Nhóm ngành III					
Tổng của nhóm ngành	0	0	0	0	0
Nhóm ngành IV					
Tổng của nhóm ngành	0	0	0	0	0
Nhóm ngành V					
Tổng của nhóm ngành	0	0	0	0	0
Nhóm ngành VI					
Nguyễn Đăng Quốc Chấn		x			

Nhóm ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất		
	GS	PGS	TS	ThS	ĐH
Phan Thế Phước Long			X		
Nguyễn Bá Trung		X			
Lê Viết Nho			X		
Nguyễn Công Đào			X		
Hồ Xuân Tuấn				X	
Nguyễn Trung Hưng				X	
Nguyễn Đức Bảo				X	
Phan Thị Hoàng Ngân				X	
Nguyễn Thị Kim Chi				X	
Trương Thị Mỹ Phượng				X	
Nguyễn Thị Việt Hà				X	
Mai Quang Thành				X	
Nguyễn Hải Hà				X	
Trương Thị Thu Hường				X	
Đặng Thị Nguyên Chi				X	
Nguyễn Thị Hà				X	
Lê Kim Thanh				X	
Võ Thị Hương Phú				X	
Hoàng Thị Nam Giang				X	
Võ Thị Minh Trí					X
Nguyễn Tuấn Anh					X
Phan Ngọc Phước					X
Bùi Khánh Linh					X
Phạm Tiến Bình					X

Nhóm ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất		
	GS	PGS	TS	ThS	ĐH
Võ Thị Thúy Kiều					x
Phan Xuân Thương					x
Lê Công Tuấn Anh					x
Đỗ Thị Thúy Duy				x	
Huỳnh Thị Mỹ Trúc					x
Tổng của nhóm ngành		2	3	16	9
Nhóm ngành VII					
Tổng của nhóm ngành					
GV các môn chung					
Trần Thanh Điệp				x	
Lưu Thị Diệu Oanh				x	
Nguyễn Thị Thơm				x	
Lê Văn Phụng				x	
Nguyễn Thị Thu Hiền					x
Phan Lê Minh Tú				x	
Phan Thị Thảo Ly				x	
Hồ Thị Thanh Mai					x
Tổng của nhóm ngành				6	2
Tổng giảng viên toàn trường		2	3	22	11

4. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành VI	350		349		37		21	

5. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 5,613,390,000 đồng
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 10,700,000 đồng

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

KT. TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và đóng dấu)